

# GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Đào Vũ Quang Luật[\*]

Lớp: 08TC117

Khoa: Tài chính – Ngân hàng

Trường Đại Học Lạc Hồng

Email: luatdao0908@gmail.com

## Tóm tắt

Công tác quản trị rủi ro lãi suất là một hoạt động rất được quan tâm tại các ngân hàng hiện nay. Dựa trên cơ sở lý luận về quản trị rủi ro lãi suất, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại Vietinbank Đồng Nai dựa trên số liệu được cung cấp tại Chi nhánh và số liệu tác giả khảo sát thực tế về tình trạng công tác quản trị rủi ro lãi suất.

Trong đề tài này tác giả đã sử dụng các phương pháp như so sánh, thông kê các chỉ tiêu liên quan đến tài sản có, tài sản nợ và các mức lãi suất bình quân huy động, cho vay nhằm làm rõ thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh. Bên cạnh đó, tác giả dùng phần mềm SPSS20.0 phân tích xây dựng nên mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro lãi suất tại Chi nhánh. Qua đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh Ngân Hàng.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Hoạt động kinh doanh ngân hàng có rất nhiều loại rủi ro xảy ra như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, ... nhưng rủi ro đặc thù và khó phòng ngừa nhất của ngân hàng là rủi ro lãi suất. Vì thế công tác nghiên cứu và quản trị rủi ro lãi suất đã bắt đầu được các ngân hàng thương mại quan tâm tuy nhiên trình độ cũng như nghiệp vụ phòng chống rủi ro lãi suất của các ngân hàng vẫn còn có nhiều hạn chế.

Trong giai đoạn hiện nay việc điều hành chính sách lãi suất của NHNN đã có nhiều thay đổi, từ việc quy định khung lãi suất, trần lãi suất, áp dụng lãi suất cơ bản, rồi áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận đã quyết định áp dụng cơ chế lãi suất cơ bản làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh. Xu thế này tất yếu dẫn tới những biến động thường xuyên của lãi suất do những yếu tố tác động đến cung cầu vốn trong nền kinh tế. Như vậy các NHTM đang đứng trước nguy cơ rủi ro lãi suất nhiều hơn đòi hỏi cần có sự quan tâm thích đáng của các nhà quản trị điều hành ngân hàng.

Trên thực tế, hoạt động quản lý rủi ro đã giành được sự quan tâm chú ý của các NHTM Việt Nam, tuy nhiên chưa toàn diện. Hầu như các NHTM chỉ chú trọng tới quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản mà chưa đi sâu nghiên cứu biện pháp quản lý các loại rủi ro đặc thù khác của NHTM như: rủi ro lãi suất, rủi ro hối đoái ...

Ngân hàng Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đồng Nai là một trong những ngân hàng lớn hàng đầu Việt Nam, cơ cấu hoạt động tiên tiến và hiệu quả, cộng với chất lượng của hoạt động quản trị rủi ro rất tốt. Hiểu được tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro lãi suất, Chi nhánh không ngừng nâng cao trình độ cán bộ và áp dụng các phương pháp tiên tiến vào công tác quản trị của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó tác giả đã chọn đề tài “*Giải pháp quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai*” làm đề tài.

Bài báo nghiên cứu khoa học gồm 5 phần như sau:

1. Đặt vấn đề
2. Phương pháp nghiên cứu
3. Kết quả
4. Bàn luận
5. Lời cảm ơn và phần tài liệu tham khảo

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Đối tượng nghiên cứu: Công tác quản trị rủi ro lãi suất tại Vietinbank Đồng Nai.

### 2.1 Thu thập dữ liệu:

**Dữ liệu thứ cấp:** được thu thập thông qua các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối vốn, chính sách lãi suất giai đoạn 2008 – 2010 của NH và tài liệu nội bộ, Internet, báo chí.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn: Tham khảo sách giáo khoa, nghiên cứu tài liệu và dùng phương pháp so sánh thống kê để so sánh tình hình quản trị tài sản nợ và tài sản có tại ngân hàng.

**Dữ liệu sơ cấp:** được sử dụng trong nghiên cứu được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp và gửi bảng câu hỏi. Đề tài được thực hiện qua các bước sau đây:

**Phòng vấn trực tiếp** ngẫu nhiên 8 nhân viên phòng Khách Hàng Doanh Nghiệp để thu thập thông tin làm cơ sở xây dựng thang đo các nhân tố ảnh hưởng rủi ro lãi suất cho mô hình nghiên cứu.

**Nghiên cứu sơ bộ:** được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp các nhân viên phòng Khách Hàng Doanh Nghiệp để xây dựng đề tài nghiên cứu, kết quả của lần nghiên cứu này là một bảng câu hỏi tương đối hoàn chỉnh với các nhân tố xây dựng cơ bản.

**Nghiên cứu chính thức:** bước đầu phỏng vấn trực tiếp nhân viên phòng Khách Hàng Doanh Nghiệp nhằm kiểm định tính khả thi của bảng câu hỏi phỏng vấn. Tiếp theo là phát bảng khảo sát chính thức đến nhân viên Vietinbank. Kích cỡ mẫu hợp lý 163.

**Địa bàn khảo sát:** Thành phố Biên Hòa

**Đối tượng khảo sát:** Nhân viên Vietinbank

**Phương pháp chọn mẫu:** chọn mẫu thuận tiện.

**Thời gian khảo sát:** từ 01/03/2012 đến 30/03/2012

*Chi tiết phiếu khảo sát xin xem phụ lục 8.*

### 2.2 Thiết lập mô hình :

**Biến phụ thuộc:**

RRLS: Rủi ro lãi suất tại Vietinbank Đồng Nai

**Biến độc lập:**

**KT: Môi trường kinh tế xã hội**

**QT: Công tác quản trị rủi ro lãi suất tại ngân hàng**

**NT: Nguyên nhân nội tại (năng lực của ngân hàng)**

**ND: Yếu tố nội dung quản trị, dự báo, giám sát**

**HT: Nguyên nhân theo hệ thống ngân hàng ở Việt Nam**

**NL: Nguồn nhân lực**

**KH: Nguyên nhân liên quan đến khách hàng**

**Mô hình tổng thể:**

$$RRLS = \beta_0 + \beta_1 KT + \beta_2 QT + \beta_3 NT + \beta_4 ND + \beta_5 HT + \beta_6 NL + \beta_7 KH + U_i$$

### 2.3 Thiết kế nghiên cứu:

Dựa vào cơ sở lý luận, sau khi nghiên cứu sơ bộ xây dựng thang đo nhập cho mô hình nghiên cứu thì nghiên cứu sẽ tiếp tục tiến hành các bước sau:

**Bước 1: Nghiên cứu sơ bộ bằng định tính**

Nội dung phỏng vấn thử nghiệm sẽ được ghi nhận, tổng hợp làm cơ sở cho việc điều chỉnh và bổ sung cũng như loại bỏ các biến không liên quan đưa ra thang đo chính thức. Từ đó bảng câu hỏi sẽ được thiết kế, phát hành thử và hiệu chỉnh lần cuối trước khi phát hành chính thức cho bước nghiên cứu chính thức.

**Bước 2: Nghiên cứu chính thức bằng định lượng** thông qua bảng câu hỏi

Kích cỡ mẫu 163, với 27 biến quan sát chia thành 7 thang đo.

Các thang đo được kiểm tra độ tin cậy và kiểm định nhân tố khám phá. Từ đó đưa ra các nhân tố chính ảnh hưởng tới rủi ro lãi suất tại chi nhánh.

Kiểm định mô hình bằng phương pháp hồi quy đa biến với mức ý nghĩa 5%. Các phân tích trên được thực hiện trên Excel và với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0.

### 2.4 Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:

Các dữ liệu sau khi thu thập sẽ được làm sạch, xử lý và phân tích với sự hỗ trợ của phần mềm Excel và SPSS 20.0 để xử lý kết quả khảo sát và phân tích các yếu tố, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến rủi ro lãi suất của Vietinbank Đồng Nai. Đưa ra nhận xét dựa trên kết quả phân tích, từ đó đề xuất ý kiến để góp phần phát triển nhằm nâng cao công tác hạn chế rủi ro lãi suất cho chi nhánh.

### 3. KẾT QUẢ:

Trên cơ sở giữa lý thuyết và thực tiễn, tác giả đã thu thập số liệu thống kê, điều tra và sử dụng một số phương pháp so sánh, phân tích để đưa ra những nhận xét đánh giá về công tác quản trị rủi ro lãi suất cũng như thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh.

#### 3.1 Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại Chi nhánh Vietinbank Đồng Nai

##### 3.1.1 Quản trị khe hở kỳ hạn

**Bảng 3.1 : Phân tích trạng thái nhạy cảm lãi suất tại Vietinbank, ĐN (ĐVT:tỷ đồng)**

	2008	2009	2010	2011
Tài sản nhạy cảm lãi suất				
Cho vay ngắn hạn	1317,473	1507,062	2099,674	2354,144
Tổng tài sản nhạy cảm	1317,473	1507,062	2099,674	2354,144
Nguồn vốn nhạy cảm lãi suất				
Tiền gửi từ Doanh nghiệp	532,17	1071,81	843,79	1100,56
Không kỳ hạn	328,80	436,06	279,23	343,93
Kỳ hạn < 12 tháng	197,50	525,29	506,41	748,55
Tiền gửi ký quỹ thanh toán	5,87	110,45	58,15	8,09
Tiền gửi tiết kiệm	1079,17	1045,75	1751,56	2133,80
Không kỳ hạn	0,62	0,35	0,14	0,11
Kỳ hạn < 12 tháng	1078,55	1045,40	1751,43	2133,68
Phát hành Công cụ nợ	30,12	62,42	16,56	110,67
Tiền gửi các TCTD khác	19,13	0,57	2,55	0,42
Tổng nguồn vốn nhạy cảm	1660,58	2180,54	2614,47	3345,45
Khe hở lãi suất (GAP)	<b>-343,109</b>	<b>-673,481</b>	<b>-514,793</b>	<b>-991,305</b>
Tỷ lệ tài sản nhạy cảm trên nguồn vốn nhạy cảm lãi suất	0,79	0,69	0,80	0,70
Trạng thái nhạy cảm lãi suất của ngân hàng	Nhạy cảm nguồn vốn	Nhạy cảm nguồn vốn	Nhạy cảm nguồn vốn	Nhạy cảm nguồn vốn
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) sẽ giảm nếu	Lãi suất tăng	Lãi suất tăng	Lãi suất tăng	Lãi suất tăng

( Nguồn: Bảng cân đối vốn kinh doanh của Vietinbank Đồng Nai)

Qua bảng số liệu trên, ta có thể thấy rằng Vietinbank Đồng Nai có tổng tài sản nhạy cảm lãi suất chủ yếu là khoản cho vay ngắn hạn là 1317,47 tỷ đồng năm 2008; 1507,06 tỷ đồng năm 2009 và 2099,67 tỷ đồng năm 2010; năm 2011 khoản này là 2354,14 tỷ đồng. Đây là những khoản cho vay sắp đáo hạn hoặc sắp được tái gia hạn.

Tổng nguồn vốn nhạy cảm với lãi suất có sự gia tăng qua 4 năm trở lại đây. Năm 2009 tăng 519,96 tỷ so với năm 2008, đến năm 2010 thì tăng 433,92 tỷ so với năm 2009. Năm 2011 tổng nguồn vốn nhạy cảm đạt mức 3345,45 tỷ đồng đạt hơn năm 2010 là 730 tỷ đồng tương đương tăng 28%.

Qua bốn năm tại Vietinbank Đồng Nai, ngân hàng luôn duy trì khe hở lãi suất (GAP) âm, năm 2008 là -343,1 tỷ đồng, đến năm 2009 là -673,4 tỷ đồng, năm 2010 là -514,7 tỷ đồng; và đến 2011 là -991,305 tỷ đồng.

**3.1.2 Quản trị khe hở kỳ hạn năm 2011 của chi nhánh**  
**Bảng 3.2 Chênh lệch các kỳ hạn dư nợ và HĐV của Vietinbank ĐN 2011**

Kỳ hạn	Dư Nợ	HĐV	Dư nợ và HĐV
Đến 3 tháng	82,1	2258,0	-2175,9
Trên 3 tháng đến 6 tháng	880,9	601,0	192,5
Trên 6 tháng đến 9 tháng	597,6	84,8	512,7
Trên 9 tháng đến 12 tháng	793,5	263,7	617,2
Trên 12 tháng đến 24 tháng	855,8	458,7	397,1
Trên 24 tháng đến 36 tháng	846,2	3,3	843,0
Trên 36 tháng đến 60 tháng	472,6	0,1	472,5
Trên 60 tháng	515,5	0,0	515,5
Tổng	5044,3	3669,7	1374,7

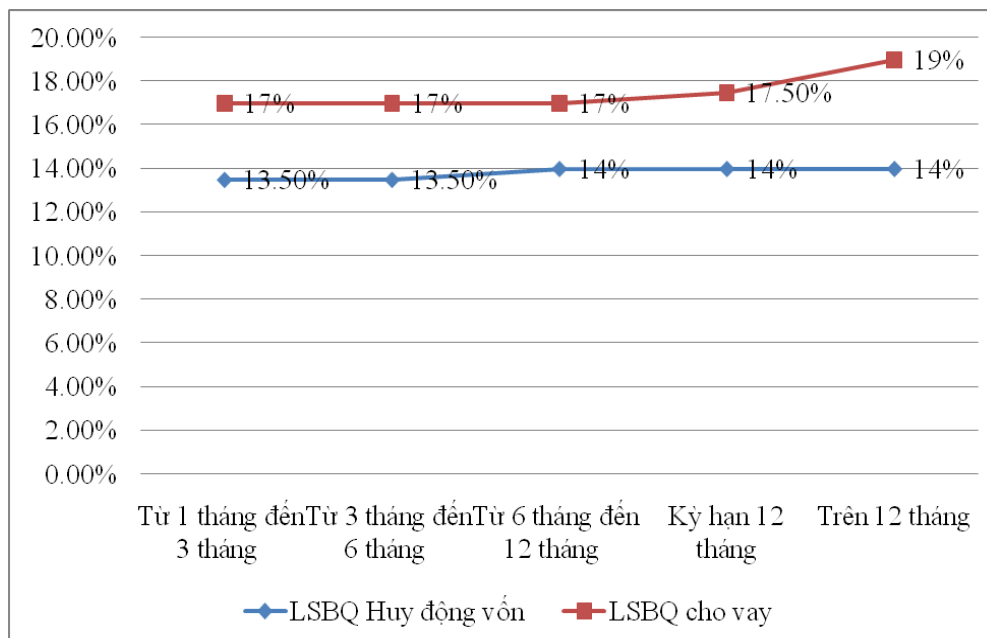
( Nguồn: tài liệu nội bộ Phòng tổng hợp VietinBank Đồng Nai)

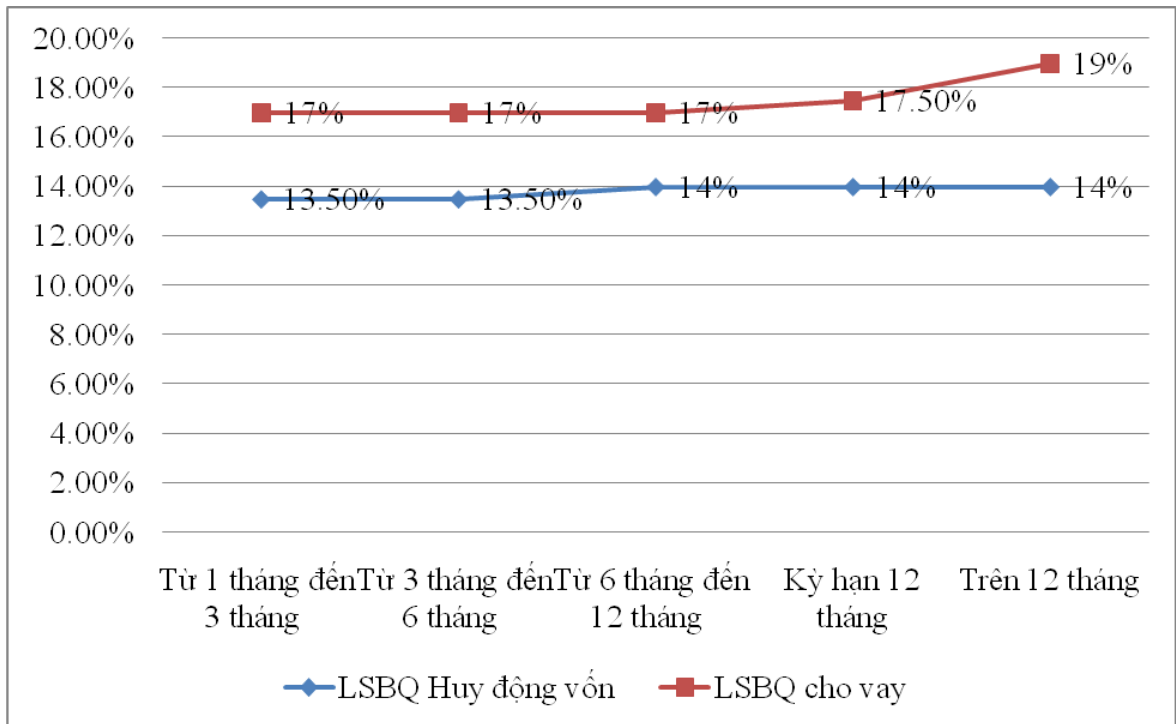
Từ bảng cho thấy, năm 2011 kỳ hạn nguồn vốn huy động ngắn hạn tập trung cao nhất ở kỳ hạn đến 3 tháng là 2258 tỷ đồng, dư nợ ngắn hạn tập trung cao ở kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng 880,9 tỷ đồng. Đối với kỳ hạn trung dài hạn, vốn huy động tập trung cao nhất trên 12 tháng đến 24 tháng 855,8 tỷ đồng. Ngoài ra cùng với biến động lãi suất năm 2011 ảnh hưởng cụ thể đến Ngân hàng

**Bảng 3 Tình hình lãi suất bình quân huy động và cho vay Vietinbank ĐN**

Kỳ hạn theo năm 2011	LSBQ Huy động vốn	LSBQ cho vay
Từ 1 tháng đến 3 tháng	13,5%	17%
Từ 3 tháng đến 6 tháng	13,5%	17%
Từ 6 tháng đến 12 tháng	14%	17%
Kỳ hạn 12 tháng	14%	17,5%
Trên 12 tháng	14%	19%

( Nguồn: tài liệu nội bộ Phòng tổng hợp VietinBank Đồng Nai)





**Biểu đồ 4.7 Thể hiện LSBQ huy động và cho vay Vietinbank ĐN 2011**

( Nguồn: tài liệu nội bộ Phòng tổng hợp VietinBank Đồng Nai)

Ta thấy trong năm 2011 chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay lun nằm trong biên độ 3,5 → 5%. Đó là mức chênh lệch hợp lý trong công tác quản trị rủi ro lãi suất.

### 3.2 Kết quả nghiên cứu khảo sát thực tế:

#### 3.2.1 Kết quả khảo sát thực tế:

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy hiện công tác quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh tương đối tốt nhưng chủ yếu còn dựa vào sự điều hành của Hội sở, chưa chủ động trong vấn đề quản trị rủi ro lãi suất trong tình hình biến động lãi suất hiện nay.

#### 3.2.2 Phân tích nhân tố:

Phương pháp hệ số tin cậy Cronbach Alpha dùng để xác định độ tin cậy của thang đo. Thang đo có hệ số tin cậy tốt khi Cronbach Alpha  $\geq 0,6$  và hệ số tương quan biến tổng  $> 0,3$ . Nếu các biến có hệ số tương quan biến tổng  $< 0,3$  thì được xem là biến rác và loại khỏi thang đo.

Phân tích nhân tố dùng để kiểm định khái niệm của thang đo: khi phân tích nhân tố ta thường quan tâm đến một số tiêu chuẩn như:

- Thứ nhất: hệ số KMO  $\geq 0,5$ , mức ý nghĩa của kiểm định Barlett  $< 0,05$ .
- Thứ hai: hệ số tải nhân tố (Factor Loading)  $> 0,4$ . Nếu biến quan sát này có hệ số tải nhân tố  $\leq 0,4$  sẽ bị loại.
- Thứ ba: thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích  $> 50\%$
- Thứ tư là sự khác biệt hệ số tải nhân tố của một biến quan sát giữa các nhân tố  $\geq 0,3$  để đảm bảo giá trị phân biệt giữa các nhân tố. Các giá trị của biến quan sát ở mỗi nhân tố được tính tổng trung bình để hình thành các biến tương ứng dùng để đưa vào mô hình hồi quy bội. Mô hình ban đầu có dạng như sau:

$$RRLS = \beta_0 + \beta_1 KT + \beta_2 QT + \beta_3 NT + \beta_4 ND + \beta_5 HT + \beta_6 NL + \beta_7 KH + U_i$$

Sau khi kiểm định độ tin cậy của từng thang đo lần 2 ta có 2 nhóm nhân tố loại ra khỏi mô hình và bảng kiểm định độ tin cậy lần 2 ta có mô hình xây dựng lại với 14 biến quan sát chia thành 4 nhân tố. (Xem phụ lục 10 và 11)

$$RRLS = \beta_0 + \beta_1 MT + \beta_2 HTNH + \beta_3 CTQT + \beta_4 TĐKH + U_i$$

**Bảng 3.4 Kiểm định mô hình hồi quy**

Mô hình	R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> đã hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của các ước lượng
1	,838 <sup>a</sup>	,702	,694	,35298

**ANOVA<sup>a</sup>**

Mô hình	Tổng các chênh lệch bình phương	Bậc tự do	Trung bình các chênh lệch bình phương	F	Mức ý nghĩa quan sát	
1	Hồi quy	45,463	4	11,366	91,223	,000 <sup>b</sup>
	Phần dư	19,312	155	,125		
	Tổng	64,775	159			

Mô hình	Hệ số không chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Mức ý nghĩa quan sát
	B	Sai số chuẩn	Beta		
(hằng số)	3,788	,028		135,727	,000
Yếu tố khách quan từ môi trường kinh tế vĩ mô	,307	,028	,481	10,963	,000
Yếu tố theo hệ thống ngân hàng TMCP Việt Nam	,203	,028	,318	7,240	,000
Yếu tố công tác quản trị rủi ro	,281	,028	,440	10,039	,000
Yếu tố tác động từ khách hàng	,268	,028	,420	9,566	,000

(nghiên cứu của tác giả)[\*]

Kết quả phân tích các hệ số hồi quy trong mô hình cho thấy, mức ý nghĩa của các thành phần Sig = 0,000 (nhỏ hơn 0,1). Do đó, ta có thể nói rằng các biến độc lập đều có tác động đến việc sử dụng thẻ để thanh toán. Tất cả các thành nhân tố đều có ý nghĩa trong mô hình và tác động cùng chiều đến việc sử dụng thẻ, do các hệ số hồi quy đều mang dấu dương.

Qua kết quả phân tích hồi quy ta có mô hình:

$$Y = 3,788 + 0,307 MT + 0,203 HTNH + 0,281 CTQT + 0,268 TĐKH$$

Mô hình trên giải thích được 69,4% sự thay đổi của biến RRLS là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 30,6% biến thiên được giải thích bởi các biến khác nằm ngoài mô hình

#### **4. BÀN LUẬN**

Nghiên cứu này của tác giả tập trung vào thực trạng quản lý lãi suất và công tác quản trị tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng nhằm đưa ra những điểm mạnh cũng như hạn chế của Ngân hàng. Qua đó nêu ra giải pháp phù hợp với Chi nhánh Vietinbank Đồng Nai.

##### **4.1 Thành tựu trong công tác quản trị rủi ro lãi suất**

Thứ nhất, đo lường rủi ro lãi suất bằng việc điều chỉnh khe hở nhạy cảm với lãi suất phù hợp với từng thời kỳ.

Thứ hai, thường xuyên theo dõi diễn biến lãi suất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tính chênh lệch lãi suất bình quân cho vay và huy động vốn từng thời kỳ, để xác định lãi suất cho

vay và huy động tại Vietinbank Đồng Nai phù hợp với biến động lãi suất thị trường, tùy từng trường hợp mà áp dụng lãi suất cho vay cố định, thả nổi, hay điều chỉnh từng thời kỳ.

Thứ ba, Vietinbank Đồng Nai chủ động điều chỉnh lãi suất kịp thời theo biến động của thị trường trong việc thực hiện lãi suất cho vay.

Thứ tư, cân đối khối lượng giữa nguồn vốn huy động với việc sử dụng nguồn vốn đó để cho vay tương đối phù hợp hơn so với các NHTM khác tại Đồng Nai.

#### **4.2 Những hạn chế trong hoạt động quản trị rủi ro lãi suất Vietinbank Đồng Nai**

Thứ nhất, chưa có quy trình hướng dẫn cụ thể về quản trị rủi ro lãi suất từ khâu phân tích, dự báo xu hướng, giám sát và điều tiết rủi ro lãi suất một cách thường xuyên, chưa ứng dụng các mô hình lượng hoá rủi ro để phân tích định lượng trên cơ sở biến động lãi suất.

Thứ hai, quản trị rủi ro lãi suất không được hoạch định một cách riêng lẻ, mà thực hiện xen kẽ trong quản trị huy động vốn và cho vay, chủ yếu tập trung cho quản trị tín dụng và thanh khoản, sử dụng lãi suất như một công cụ cạnh tranh với các ngân hàng khác để tăng thị phần mà chưa quan tâm đến chính sách lãi suất và ảnh hưởng của nó đến tài sản nợ và tài sản có như thế nào.

Thứ ba, hệ thống thông tin chưa hỗ trợ tốt, chưa có chương trình cập nhật cơ sở dữ liệu thị trường và động thái của khách hàng gửi tiền, vay tiền khi có sự thay đổi lãi suất để làm dữ liệu cho việc phân tích, dự báo trong tương lai. Ngoài ra không đánh giá được phù hợp thời gian đáo hạn tài sản nợ đối với tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm.

#### **4.3 Các giải pháp hạn chế rủi ro lãi suất**

##### **4.3.1 Nhóm giải pháp tổ chức quản lý rủi ro lãi suất**

###### **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Trong hoạt động quản trị rủi ro lãi suất, toàn bộ quá trình quản lý rủi ro lãi suất như nhận diện rủi ro, giám sát biến động lãi suất, dự báo mức rủi ro đều phải do các bộ quản lý rủi ro phụ trách đảm nhiệm. Nên yêu cầu đặt ra cho các cán bộ là:

+ Có kiến thức, trình độ,... Hiểu rõ công tác quản trị rủi ro lãi suất như công tác quản trị TSC và TSN.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong quan hệ xã hội.

+ Có năng lực học tập, nghiên cứu, có ý thức học hỏi trao đổi kinh nghiệm, không ngừng vươn lên trong công tác.

Từ đó ngân hàng đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực như:

Công tác tuyển dụng cán bộ cần đặt ra các điều kiện và yêu cầu tối thiểu về trình độ nghiệp vụ, lựa chọn những người thực sự có năng lực vào công tác để ngân hàng yên tâm thực hiện các mục tiêu phát triển của mình. Nguồn nhân lực tốt sẽ tạo lợi thế cạnh tranh của ngân hàng so với ngân hàng khác trong quá trình hoạt động.

Đào tạo đội ngũ chuyên môn hóa trong quản lý rủi ro nói chung và rủi ro lãi suất nói riêng về công tác nhận diện và phòng ngừa rủi ro lãi suất có bài bản, trang bị kỹ năng sử dụng các kỹ thuật đo lường rủi ro lãi suất bằng mô hình, ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh vào công tác quản trị rủi ro lãi suất. Tăng cường cử cán bộ nhân viên tham dự các khoá học về nghiệp vụ ngân hàng và ngân hàng cũng nên tạo điều kiện cho các cán bộ học lên thạc sĩ và tiến sĩ.

###### **Hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro lãi suất**

Ta đã biết quy trình quản trị rủi ro nói chung và quản trị rủi ro lãi suất nói riêng không bị ràng buộc bởi bất cứ một văn bản pháp luật nào. Do đó không thể tạo ra khả năng áp dụng thống nhất và toàn diện trên toàn hệ thống Ngân hàng. Công tác quản trị rủi ro lãi suất theo một quy trình phù hợp với năng lực của chi nhánh:

Trước hết ta phân tích rủi ro lãi suất là việc xác định những nguyên nhân gây ra rủi ro lãi suất, đây là công việc phức tạp, bởi không chỉ do một nguyên nhân duy nhất gây ra mà thường do nhiều nguyên nhân gây ra như do lạm phát, do quan hệ cung cầu, do chính sách điều hành tiền tệ của nhà nước, do không cân xứng về kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ, do áp dụng các lãi suất khác nhau trong quá trình huy động vốn và cho vay hay do không phù hợp về khối lượng giữa nguồn vốn huy động với việc sử dụng nguồn vốn đó để cho vay...

Thiết lập hệ thống giám sát: Việc giám sát tình hình biến động lãi suất tác động đến kinh doanh ngân hàng là vô cùng quan trọng, hệ thống giám sát cần được đồng bộ với các công tác quản trị TSC và TSN, cung cấp thông tin cần thiết điều này sẽ giúp cho công tác đo lường rủi ro lãi suất được thuận tiện hơn.

Đánh giá đo lường mức độ rủi ro: Chi nhánh ngân hàng cần xây dựng hệ thống đo lường rủi ro lãi suất phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đánh giá chính xác mức độ rủi ro bằng các mô hình được sử dụng.

Kiểm soát và phòng ngừa rủi ro lãi suất: Kiểm soát nhằm giữ mức độ rủi ro nằm trong một mức giới hạn có thể chấp nhận, bên cạnh đó phải sử dụng các biện pháp hiệu quả để phòng ngừa rủi ro lãi suất.

#### **Mô hình tổ chức hoạt động quản trị rủi ro lãi suất**

Đề nhất quán cho công tác quản trị rủi ro hiệu quả mô hình tổ chức quản trị rủi ro lãi suất có hiệu quả cần phải:

Thứ nhất, Ban giám đốc phải đảm bảo quy trình quản trị rủi ro lãi suất phù hợp với chi nhánh, đảm bảo nguồn lực của chi nhánh luôn sẵn sàng phục vụ cho việc đánh giá và kiểm soát rủi ro lãi suất, phải thường xuyên xem xét các báo cáo chi tiết về rủi ro lãi suất trên cơ sở cá nhân chịu trách nhiệm quản trị rủi ro lãi suất.

Thứ hai, phải xây dựng một hạn mức để duy trì rủi ro lãi suất, phù hợp với từng giai đoạn. Hạn mức phải tương thích với phương pháp đo lường rủi ro lãi suất của ngân hàng, phải phản ánh được tác động dự đoán của biến động lãi suất lên lợi nhuận và giá trị kinh tế của ngân hàng. Thường xuyên so sánh mức rủi ro hiện thời với hạn mức đề ra, so sánh các dự đoán rủi ro lãi suất với kết quả thực tế để nhận dạng được các điểm yếu trong phương pháp phân tích.

#### **4.3.2 Nhóm giải pháp thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất**

##### **Duy trì sự cân xứng về kỳ hạn giữa Tài sản có và Tài sản nợ**

Hiện tại, chi nhánh Vietinbank Đồng Nai đang duy trì trạng thái nhạy cảm về nguồn vốn, tức là nguồn vốn nhạy cảm lãi suất lớn hơn tài sản nhạy cảm lãi suất, do đó ngân hàng sẽ bị tổn thất nếu lãi suất tăng vì lợi nhuận cận biên của ngân hàng sẽ giảm. Vì thế ngân hàng có thể sử dụng một chiến lược quản trị năng động là thu hẹp kỳ hạn của TSC hoặc kéo dài kỳ hạn danh mục TSN. Hoặc giảm TSN nhạy cảm lãi suất và tăng TSC nhạy cảm lãi suất lên.

##### **Thực hiện tốt công tác dự phòng rủi ro lãi suất**

Lập dự phòng là một trong những biện pháp chủ yếu được các ngân hàng áp dụng nhằm chống đỡ rủi ro quá lớn có thể xảy ra do thái độ của khách hàng cũng như biến động môi trường kinh tế. Cũng giống như quản lý rủi ro tín dụng, để công tác quản lý rủi ro lãi suất đạt hiệu quả cao cần phải hiểu rõ nội dung và nhận thức đúng đắn công tác “dự phòng giảm giá tài sản” và “quỹ dự phòng rủi ro”.

“Quỹ dự phòng rủi ro” là một hình thức dự trữ tài chính chuyên dùng được trích ra từ lợi nhuận sau thuế nhằm có nguồn để bù đắp thiệt hại khi có rủi ro xảy ra. Vấn đề trích lập quỹ chủ yếu phát sinh từ yêu cầu quản lý tài chính, không phải là đòi hỏi của kế toán.

##### **Công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất**

Vietinbank Đồng Nai nên thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất như:

Phải áp dụng các biện pháp cho vay ngắn hạn, khi lãi suất thị trường thay đổi theo chiều hướng tăng, ngân hàng sẽ kịp thời tăng lãi suất cho vay.

Áp dụng chiến lược chủ động trong quản trị rủi ro lãi suất, trong trường hợp có thể dự đoán được chiều hướng lãi suất biến động trong tương lai, để điều chỉnh khe hở nhạy cảm lãi suất phù hợp.

Trong các công cụ phái sinh thì tác giả xin đề xuất chi nhánh nên ứng dụng hợp đồng lãi suất kỳ hạn trong phòng ngừa rủi ro lãi suất.

- Hợp đồng lãi suất kỳ hạn: Do Vietinbank Đồng Nai thường chỉ huy động vốn trong ngắn hạn nên cần sử dụng biện pháp hợp đồng kỳ hạn lãi suất, để chuyển kỳ hạn ngắn thành kỳ hạn dài. Để khuyến khích khách hàng gửi, cần có những chính sách như khuyến mãi, tặng quà ngay tại thời điểm ban đầu gửi và có sự cam kết đối với khách hàng để khách hàng có nghĩa vụ phải gửi lại gốc ở kỳ hạn tiếp theo.



- Trước khi thực hiện hợp đồng hoán đổi lãi suất cần phải xác định lãi suất cố định và lãi suất thả nổi
- Các nhà quản trị ngân hàng cần phải xác định được tỷ lệ trao đổi lãi suất cố định và lãi suất thả nổi tại thời điểm bắt đầu là ngang nhau. Theo nguyên lý về giá trị thời gian của tiền tệ thì giá trị hiện tại các luồng tiền thanh toán lãi suất cố định phải đúng bằng giá trị hiện tại các luồng tiền thanh toán lãi suất thả nổi. Nghĩa là, hiện giá các luồng tài sản cố định bằng hiện giá các luồng tài sản thả nổi.
- Xác định lãi suất cố định trong hợp đồng Swap. Trong thực tế, mức lãi suất cố định trong hợp đồng Swap thông thường được xác định dựa trên cơ sở mức lãi suất của trái phiếu kho bạc.
- Xác định lãi suất thả nổi trong hợp đồng Swap. Giả sử không có nhà trung gian trong giao dịch, các bên đối tác tham gia hợp đồng bình đẳng với nhau. Lãi suất cố định được xác định trên cơ sở lãi suất trái phiếu kho bạc.

### **4.3.3 Một số giải pháp khác**

#### **Hiện đại hoá công nghệ ngân hàng**

Các ngân hàng thương mại Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập sâu rộng với quốc tế, để có thể đáp ứng yêu cầu hội nhập và giúp lãnh đạo có thể quản lý tài sản, an toàn hệ thống tốt hơn, nhất là quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Chi nhánh nên áp dụng các công nghệ tiên tiến trong công tác quản trị rủi ro lãi suất. Hoàn thiện các khâu nắm bắt thông tin trên hệ thống mạng tối tân, mở thêm các phòng ban chuyên phụ trách về công nghệ vi tính hóa trong công tác quản trị rủi ro, hoàn thiện kỹ thuật đo lường và phòng ngừa rủi ro lãi suất.

#### **Tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ**

Thường xuyên kiểm tra thông tin trong hoạt động ngân hàng như các khoản cho vay, đầu tư, tiền gửi. Kiểm tra các báo cáo có thể vận dụng và phân tích xu hướng trong chênh lệch lãi suất ròng theo kỳ hạn. Đánh giá những chênh lệch này trong môi trường lãi suất với thời gian tương ứng. Phân tích xu hướng về khối lượng và lãi suất để quyết định có những thay đổi đáng kể nào trong danh mục đầu tư ngân hàng, hay trong thu nhập của ngân hàng. Ban giám đốc cần đánh giá chất lượng của công tác quản trị rủi ro lãi suất, thông qua báo cáo đo lường rủi ro lãi suất bao gồm tất cả tài sản nợ, tài sản có.

### **5 Lời cảm ơn**

Trong thời gian 4 tháng thực hiện đề tài nghiên cứu của mình, em nhận được rất nhiều sự quan tâm, động viên từ gia đình, bạn bè và người thân, được sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn cũng như các anh (chị) đang công tác tại Vietinbank Đồng Nai để hoàn thành được luận văn nghiên cứu khoa học như hiện tại.

Em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Trần Thị Thùy Linh, người đã theo sát, tận tình chỉ bảo và hướng dẫn em thực hiện đề tài này. Cảm ơn cô đã giúp em định hướng, giải quyết những thắc mắc và gợi mở những vướng mắc cho em hoàn thành được đề tài nghiên cứu này.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Tổng kết đánh giá hoạt động quản trị rủi ro, tài liệu nội bộ Vietinbank Đồng Nai
- [2]. Bảng cân đối vốn của Vietinbank Đồng Nai.

[\*] Đào Vũ Quang Luật, Lớp 08TC117, Khoa Tài Chính Ngân Hàng, Đại Học Lạc Hồng.